

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2026 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 tỉnh Lâm Đồng

Thực hiện Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật đối với công tác CCHC

Trong 6 tháng đầu năm, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành triển khai các nhiệm vụ trong công tác CCHC trên địa bàn tỉnh¹ để lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tập trung triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh. Đồng thời, tổ chức các Hội nghị đánh giá hoạt động của Ban Chỉ đạo Phát

¹ Kế hoạch số 28-KH/TU ngày 16/01/2026 của Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026 và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh như: Kế hoạch số 10086/KH-UBND ngày 31/12/2025 triển khai Chương trình phát triển Chính quyền số; Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 07/01/2026 triển khai xây dựng các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng dùng chung (Nền tảng số dùng chung); Công văn số 716/UBND-HCC ngày 16/01/2026 thực hiện TTHC, dịch vụ công thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn trong triển khai hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung; Công văn số 871/UBND-HCC ngày 20/01/2026 triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo mô hình tập trung; Công văn số 1033/UBND-HCC ngày 22/01/2026 về việc nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2792/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 về việc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 07/02/2026 về việc tiếp tục áp dụng trình tự, TTHC lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1005/UBND-KTTH ngày 22/01/2026 triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 ban hành kịch bản tăng trưởng “02 con số” năm 2026; Kế hoạch số 1373/KH-UBND ngày 29/01/2026 triển khai thực hiện Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số” trong giai đoạn 2026 - 2030; Công văn số 2067/UBND-NC ngày 11/02/2026 thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm công tác tư pháp năm 2026 và trong thời gian tới; Công văn số 1947/UBNDNC ngày 09/02/2026 về rà soát Nghị quyết quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh ban hành còn hiệu lực thuộc lĩnh vực pháp chế; Công văn số 4940/UBND-KTTH ngày 14/4/2026 về đẩy nhanh tiến độ thực hiện xử lý, khai thác các cơ sở nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh; Công văn số 7686/UBND-HCC ngày 25/5/2026 về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh bảo đảm thực chất, phù hợp thực tiễn, đáp ứng yêu cầu quản lý; Công văn số 6259/UBND-HCC ngày 06/5/2026 về triển khai các Nghị quyết cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh; Công văn số 6904/UBND-HCC ngày 14/5/2026 về thực hiện TTHC tại các Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh; ...

triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Hội nghị đánh giá công tác CCHC năm 2025 và triển khai nhiệm vụ năm 2026; Hội nghị sơ kết 01 năm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; định kỳ hằng tháng tổ chức họp với các địa phương có tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính quá hạn cao... để tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các nội dung trong công tác CCHC của tỉnh.

Tỉnh đã thực hiện công bố Chỉ số CCHC năm 2025 của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh. Ngày 04/6/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2743/QĐ-UBND về bộ tiêu chí đánh giá công tác CCHC đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh; định kỳ hằng tháng tổ chức đánh giá và công khai kết quả đánh giá chỉ số CCHC đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-BNV ngày 14/4/2026 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, Quyết định số 430/QĐ-BNV ngày 14/4/2026 về việc phê duyệt và công bố Chỉ số CCHC năm 2025 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Sở Nội vụ có Báo cáo số 168/BC-SNV ngày 22/5/2026 phân tích, đánh giá chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2025 của tỉnh Lâm Đồng, theo đó Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tập trung khắc phục và cải thiện các nội dung tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa thuộc phạm vi quản lý, theo dõi và thực hiện của ngành, địa phương gắn với việc cải thiện các chỉ số năm 2026 của tỉnh; đồng thời ban hành Công văn số 8387/UBND-NC ngày 04/6/2026 chỉ đạo tổ chức Hội nghị sơ kết công tác CCHC 6 tháng đầu năm, phân tích Chỉ số PAR Index, SIPAS năm 2025 của tỉnh và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026.

Nhằm triển khai công tác CCHC đảm bảo đồng bộ, toàn diện công tác CCHC, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2728/QĐ-BCĐ ngày 03/6/2026 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Ban Chỉ đạo ban hành Quyết định số 2730/QĐ-BCĐ ngày 03/6/2026 về việc thành lập Tổ Công tác và kiện toàn Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06. Trên cơ sở đó đã thành lập các Tổ Công tác Cải cách hành chính; Tổ Công tác về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Tổ Công tác Triển khai Đề án 06, cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 và Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

Thực hiện công tác đối thoại giải đáp, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động số 2200/KH-UBND ngày 12/02/2026 triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026 trên địa bàn tỉnh; giao Trung tâm Xúc tiến, Đầu tư, Thương mại và Du lịch ban hành Kế hoạch số 46/KH-TTXX ngày 08/4/2026 về tổ chức Chương trình “Cà phê doanh nhân” năm 2026. Với tinh thần đồng hành, hỗ trợ và tập trung tháo gỡ tốt nhất có thể đối với các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tỉnh đã tổ chức 01 chương trình cà phê doanh nhân; tổ chức 01 buổi làm việc với các doanh nghiệp để giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp. Sau các Hội nghị đối thoại, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ghi nhận các ý kiến, kiến nghị của doanh nghiệp và chỉ đạo các sở, ngành, địa phương có liên quan làm rõ nội dung kiến nghị, giải đáp và phản hồi kịp thời theo quy định.

2. Đánh giá tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 về cải cách hành chính nhà nước năm 2026 tỉnh Lâm Đồng với chủ đề “*Tăng cường kỷ cương, đổi mới sáng tạo, chủ động thích ứng, đột phá phát triển*”. Đến nay, tỉnh đã triển khai thực hiện hoàn thành 25/49 nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra (*đạt 51,02% kế hoạch*).

Thực hiện Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3664/KH-UBND ngày 20/3/2026 về việc CCHC nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh, trong đó xác định lĩnh vực đột phá của giai đoạn là lĩnh vực xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; tập trung ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) để mang lại hiệu quả rõ nét trong công tác CCHC trên địa bàn tỉnh. Theo đó, 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã ban hành kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 của cơ quan, đơn vị để tổ chức thực hiện.

3. Công tác kiểm tra CCHC

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 962/KH-UBND ngày 21/01/2026 về kiểm tra công tác CCHC năm 2026 trên địa bàn tỉnh. Theo Kế hoạch, Sở Nội vụ đã phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra tại 04 Ủy ban nhân dân các xã: Sơn Mỹ, Tân Thành, Bảo Lâm 2 và phường 1 Bảo Lộc. Đoàn kiểm tra công vụ của tỉnh đã thực hiện kiểm tra tình hình giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tại 12 đơn vị².

² Gồm: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh và chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các khu vực: Xuân Hương - Đà Lạt, Gia Nghĩa, Đăk R'Lấp, Đăk Glong, Bắc Bình, Phan Thiết, Hàm Thuận Nam và Ủy ban nhân dân các xã, phường: Phú Thủy, Tiến Thành, Mũi Né, Hàm Thắng, Hàm Thuận.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 7091/KH-UBND ngày 18/5/2026 kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh năm 2026 và thành lập Đoàn kiểm tra để tổ chức kiểm tra theo kế hoạch.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Kế hoạch số 428/KH-UBND ngày 10/01/2026 về tuyên truyền CCHC năm 2026; Kế hoạch số 8084/KH-UBND ngày 01/6/2026 về phát động Phong trào thi đua “Đẩy mạnh CCHC nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030”. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã xây dựng các kế hoạch và đang triển khai thực hiện đồng bộ, đảm bảo các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

Thực hiện xây dựng và cấp phát gần 4.000 cuốn sổ tay về CCHC cấp phát cho các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh. Tổ chức phát sóng trực tiếp trên sóng truyền hình của Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng 08 cuộc đối thoại để giải đáp những vướng mắc, kiến nghị về công tác CCHC và các vấn đề mà người dân, doanh nghiệp đang rất quan tâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân phường Xuân Hương - Đà Lạt, Ủy ban nhân dân các xã Đức Trọng và Đơn Dương.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 về quy chế hoạt động của Trang thông tin điện tử CCHC tỉnh Lâm Đồng; chuyên trang CCHC của tỉnh tại địa chỉ <https://cchc.lamdong.gov.vn/> thường xuyên được cập nhật tin bài, cung cấp thông tin, kết quả thực hiện CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, triển khai thực hiện nhiều hình thức tuyên truyền về công tác CCHC, như: Đăng tải các thông tin liên quan, bài viết về công tác CCHC trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương; trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice); đăng tin bài CCHC trên các báo, tạp chí; phát sóng trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng, trên Đài Truyền thanh các xã, phường, đặc khu; duy trì chuyên mục đường dây nóng tại địa chỉ: <https://duongdaynong.lamdong.gov.vn/> trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, hoạt động thông suốt 24/24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần để tiếp nhận thông tin do người dân, doanh nghiệp phản ánh cũng như đăng tải kịp thời, đầy đủ thông tin phản hồi, phúc đáp của các cơ quan, địa phương về việc giải quyết các thông tin được phản ánh, kiến nghị; qua đó, việc tiếp nhận, giải đáp các ý kiến, phản ánh, những khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp được thực hiện kịp thời, có hiệu quả.

5. Tiến độ thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Trong 6 tháng đầu năm, tổng số nhiệm vụ của tỉnh được giao là 110, trong đó: đã hoàn thành đúng hạn 61 nhiệm vụ, 46 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện và 03 nhiệm vụ đã thực hiện nhưng quá hạn.

6. Về mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC

Triển khai Kế hoạch CCHC năm 2026 của tỉnh, Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch tổ chức cuộc thi "Tìm hiểu về công tác CCHC" tỉnh Lâm Đồng năm 2026 nhằm phát động phong trào thi đua sôi nổi trong việc tham gia tìm hiểu, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về CCHC và tìm kiếm sáng kiến nổi bật để triển khai đồng bộ trên toàn tỉnh. Theo đó, cuộc thi được tổ chức gồm 02 phần: Phần thi trắc nghiệm trực tuyến trên Hệ thống phần mềm và phần thi mô hình, giải pháp, sáng kiến; thời gian tổ chức cuộc thi diễn ra từ ngày 10/5/2026 đến hết ngày 10/7/2026.

Các sở, ngành, địa phương ban hành kế hoạch và triển khai các mô hình, giải pháp mang tính đột phá để nâng cao hiệu quả trong thực hiện CCHC, mục tiêu hướng tới là tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức trong việc nộp hồ sơ TTHC đảm bảo nhanh, gọn, tiện lợi, góp phần cải thiện, nâng cao sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. Một số mô hình, sáng kiến, giải pháp đã triển khai áp dụng mang lại hiệu quả như: “Túi hồ sơ tiện lợi”; “Không gian trải nghiệm dịch vụ hành chính công thân thiện”; “Chứng thực hành chính tại nhà”; “Điểm tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại cộng đồng dân cư”; “Đi đến dân - Hỗ trợ người gặp khó khăn trong giải quyết TTHC”; “Lắng nghe và nói chuyện cùng dân”; “Giải quyết TTHC giờ thứ 9”; “giải quyết hồ sơ một cửa trong ngày cho người hưởng trợ cấp xã hội nhanh chóng, hiệu quả”; “Đăng ký kết hôn lưu động”; “Bộ phận một cửa nhanh chóng, thuận tiện và thân thiện 5K”; “Chứng thực chữ ký số lưu động tại nhà cho người cao tuổi, người yếu thế và đối tượng bảo trợ xã hội”; “Xây dựng ki-ốt thông minh tích hợp tra cứu, nộp hồ sơ trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và điểm dân cư, đặc biệt là các điểm đông dân cư ở xa Trung tâm Phục vụ hành chính công”...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

a) Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Trong 6 tháng đầu năm, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 13 Nghị quyết QPPL, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 28 Quyết định QPPL, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 01 Quyết định và đã được cập nhật đầy đủ vào Cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia theo quy định; công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật được triển khai kịp thời, chủ động, quyết liệt, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của tỉnh.

Sở Tư pháp thực hiện thẩm định 65 văn bản quy phạm pháp luật, góp ý 221 dự thảo văn bản; quy trình thẩm định, góp ý văn bản được thực hiện đúng quy

định, các báo cáo thẩm định, văn bản góp ý luôn chú trọng đến sự cần thiết ban hành, tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống văn bản QPPL từ Trung ương đến địa phương, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

Thực hiện các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh số 865/KH-UBND ngày 20/01/2026 về triển khai công tác quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2026; Kế hoạch số 7235/KH-UBND ngày 20/5/2026 về việc bổ sung nhiệm vụ trong Kế hoạch số 5826/KH-UBND ngày 23/10/2025 về triển khai Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Theo đó, đã thực hiện rà soát văn bản QPPL về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2025 và triển khai nhập số liệu phần mềm cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh; tổng kết Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND quy định nội dung mức chi bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng (trước sắp xếp).

Triển khai Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2026, trong 6 tháng đầu năm, Đoàn kiểm tra đã thực hiện kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại 03 đơn vị³.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 1299/KH-UBND ngày 28/01/2026 về công tác theo dõi tình hình thi hành văn bản QPPL trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2026, trên cơ sở đó Đoàn kiểm tra đã ban hành Thông báo số 88/TB-ĐKT ngày 12/5/2026 về việc kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành văn bản QPPL trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2026. Hiện nay, tỉnh đang tổ chức khảo sát tình hình thi hành văn bản QPPL trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2026 trên địa bàn tỉnh.

c) Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh đã ban hành các Kế hoạch số 1174/KH-HĐPH ngày 26/01/2026 về việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và trợ giúp pháp lý liên ngành năm 2026; Kế hoạch số 03/KH-HĐPH ngày 11/3/2026 về tuyên truyền, phổ biến các văn bản

³ UBND đặc khu Phú Quý; Chi cục kiểm lâm và Hạt kiểm lâm Đức Trọng.

pháp luật, chính sách mới ban hành trong năm 2026; Kế hoạch số 10/KH-HĐPH ngày 13/4/2026 về trợ giúp pháp lý và phối hợp liên ngành trong tổ tụng hình sự.

Triển khai đồng bộ các nội dung chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trong 6 tháng đầu năm đã biên tập và đăng tải 167 tin, bài trên Trang Thông tin điện tử phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh, đồng thời chia sẻ, lan tỏa trên các nền tảng mạng xã hội và fanpage của Hội đồng phối hợp Phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh, bảo đảm thông tin được cập nhật thường xuyên, liên tục, nội dung phong phú, thiết thực, phản ánh kịp thời các chủ trương, chính sách pháp luật mới giúp người dân dễ tiếp cận thông tin. Thực hiện tuyên truyền đợt cao điểm về quyền con người nhân ngày Nhân quyền thế giới; tuyên truyền bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 hằng tuần; tổ chức cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật; hội nghị tọa đàm lấy ý kiến về dự thảo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (sửa đổi); hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong trường học; hội nghị tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật, chính sách mới ban hành năm 2026 theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến, góp phần đổi mới hình thức tuyên truyền, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong công tác PBGDPL. Phối hợp Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện chuyên mục “Tiêu điểm chính sách”.

d) Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL

- Công tác kiểm tra, rà soát: Đã thực hiện tự kiểm tra 34 Quyết định QPPL⁴ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Qua kiểm tra, nội dung văn bản cơ bản phù hợp quy định hiện hành, đảm bảo tính thống nhất, hợp hiến, hợp pháp và phù hợp tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương, đáp ứng kịp thời các yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh; kiểm tra 04 văn bản QPPL các xã, phường, đặc khu ban hành, qua kiểm tra, nội dung văn bản cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 806/KH-UBND ngày 09/01/2026 tổ chức thực hiện “Chiến dịch 360 ngày rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 5391/KH-UBND ngày 21/4/2026 về việc thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh. Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật và đề xuất bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân 03 tỉnh Đắk Nông, Bình Thuận, Lâm Đồng (trước sáp nhập) ban hành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tư pháp, Thi hành án dân sự tỉnh; rà soát Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực nhưng chưa thống nhất cơ quan chủ trì rà soát, xử lý.

⁴ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND đến Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND; Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND đến Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND; Quyết định số 49/2025/QĐ-CTUBND, Quyết định số 46/2025/QĐ-CTUBND, Quyết định số 47/2025/QĐ-CTUBND; Quyết định số 07/2026/QĐ-CTUBND.

Ngày 05/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 6173/UBND-NC báo cáo kết quả lập danh mục và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, để chuẩn bị nội dung làm việc của Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra tình hình thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh Lâm Đồng.

- Công tác hệ thống hóa văn bản QPPL: Tỉnh đã cập nhật 33 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; 31 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và 03 Quyết định QPPL của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật. Thực hiện rà soát, cập nhật văn bản, nâng cao chất lượng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo Văn bản số 4756/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 05/8/2025 của Bộ Tư pháp.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Công tác rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC luôn được tỉnh xác định là nhiệm vụ trọng tâm và thực hiện thường xuyên đảm bảo cắt giảm chi phí không cần thiết khi thực hiện TTHC, tạo thuận lợi cho tổ chức, người dân, góp phần đẩy mạnh CCHC. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2026, Kế hoạch số 1364/KH-UBND ngày 29/01/2026 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2026 trên địa bàn tỉnh; nội dung kế hoạch xác định các TTHC, nhóm TTHC trọng tâm, phát sinh nhiều hồ sơ để tập trung sửa đổi hoặc kiến nghị sửa đổi quy định TTHC tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Ban hành các Kế hoạch, Quyết định tổ chức việc kiểm tra công tác kiểm soát TTHC và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh năm 2026⁵. Thực hiện công tác rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh theo Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22/8/2024 của Văn phòng Chính phủ, tỉnh đã thực hiện công bố 598 TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định.

b) Cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương

Căn cứ các Quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành Trung ương; trong 6 tháng đầu năm 2026, trên cơ sở đề xuất của các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã công bố 86 Quyết định danh mục TTHC; trong đó, công bố mới 149 thủ tục, sửa đổi, bổ sung 961 thủ tục và bãi bỏ 168 thủ tục. Tất cả các TTHC đều được công bố, công khai kịp thời, đúng quy định.

⁵ Kế hoạch kiểm tra số 7091/KH-UBND ngày 18/5/2026; Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra số 2451/QĐ-UBND ngày 29/5/2026.

Đến nay, tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã được tinh công bố là 1.977 TTHC (trong đó, cấp tỉnh là 1.600 TTHC, cấp xã là 377 TTHC).

c) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công tại 124/124 xã, phường, đặc khu được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc đảm bảo phục vụ tốt công tác tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC, phục vụ người dân, tổ chức; bố trí quầy ưu tiên tiếp nhận hồ sơ cho người già, phụ nữ mang thai, người khuyết tật, đối tượng chính sách, người có công; lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các quầy tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC. Thực hiện Bộ nhận diện thương hiệu Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo đúng hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ. Hoàn thành lắp đặt Kiosk thông minh tại Trung tâm để trả kết quả giải quyết TTHC tự động. Nhìn chung, hệ thống Trung tâm Phục vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh đã hoạt động hiệu quả để hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đảm bảo tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của cấp tỉnh, cấp xã đạt 100%.

Triển khai thực hiện công tác số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC, đến nay tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 90,94%; Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 93,36%.

Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại các cấp chính quyền tại cơ quan, các cấp chính quyền của tỉnh: trong 6 tháng đầu năm 2026, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp nhận 323 hồ sơ TTHC liên thông điện tử từ các sở, ngành, trong đó đã giải quyết và trả kết quả đúng hạn là 323 hồ sơ, đạt 100%. Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết trước và đúng hạn đạt 98,19 % (*trong đó: Tổng số hồ sơ đã giải quyết xong 445.652 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 437.610 hồ sơ*). Tỷ lệ hồ sơ TTHC do Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận được giải quyết trước và đúng hạn đạt 98,11% (*trong đó: Tổng số hồ sơ đã giải quyết xong là 930.228 hồ sơ, giải quyết đúng hạn là 912.696 hồ sơ*).

Thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được giao vận hành hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ. Trong kỳ báo cáo, đã tiếp nhận 451 phản ánh kiến nghị, đã xử lý, công khai đúng hạn 451 phản ánh kiến nghị. Tất cả các phản ánh kiến nghị được xử lý và đăng tải trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia kịp thời và đúng quy định.

Tỉnh đã thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC định kỳ theo đúng quy định của Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ định kỳ hằng tháng thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tại Bộ phận Một cửa các cấp thông qua ứng dụng phần mềm điện tử và mã QR, đồng thời lấy kết quả này để đánh giá và công bố Chỉ số CCHC định kỳ hằng tháng của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Hoàn thiện quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với 15 sở, ban, ngành⁶, 12 chi cục⁷ và 62 đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo cơ sở pháp lý cho hoạt động liên tục, thông suốt, không để gián đoạn công việc của các sở, ngành.

b) Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

Đến nay, 15/15 cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã được sắp xếp, tổ chức lại đảm bảo theo đúng quy định (đạt 100%). Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tổng số đơn vị hiện có là 1.885 đơn vị⁸ bao gồm đơn vị thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁶ Văn phòng UBND tỉnh; Nội vụ; Tư pháp; Khoa học và Công nghệ; Công Thương; Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Xây dựng; Ngoại vụ; Giáo dục và Đào tạo; Dân tộc và Tôn giáo; Y tế; Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Thanh tra tỉnh và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

⁷ 08 chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Chăn nuôi và Thú y; Thủy lợi và tài nguyên nước; Phát triển nông thôn; Thủy sản và Biển đảo; Kiểm lâm; Quản lý đất đai*); 01 chi cục thuộc Sở Khoa học và Công nghệ (*Tiêu chuẩn và Đo lường Chất lượng*); 01 chi cục thuộc Sở Công Thương (*Quản lý thị trường*); 02 chi cục thuộc Sở Y tế (*Dân số; An toàn vệ sinh thực phẩm*).

⁸ Cụ thể:

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: 12 đơn vị.
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, tổ chức hành chính khác: 247 đơn vị.
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: 30 đơn vị (*gồm 28 Ban quản lý dự án khu vực thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, 1 đơn vị thuộc Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà, 01 đơn vị thuộc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Tà Đùng*).
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Chi cục thuộc Sở: 01 đơn vị (*Trung tâm Đăng kiểm tàu cá thuộc Chi cục Thủy sản và Biển đảo tỉnh Lâm Đồng*).
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: 1.595 đơn vị (*91 Trung tâm dịch vụ tổng hợp; tổ chức lại 33 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao cấp xã thành Trung tâm Dịch vụ tổng hợp cấp xã; thành lập mới 124 trạm y tế cấp xã; thành lập mới 06 trường nội trú liên cấp tại xã biên giới*).

c) Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 về tạm giao biên chế công chức năm 2026 trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh; Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 về việc tạm giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2026 trong các đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 về việc giao số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và y tế năm 2026. Số lượng cụ thể: biên chế công chức là 9.818 (*gồm 3.585 biên chế cấp tỉnh, 6.233 biên chế cấp xã*); biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 59.339 (*gồm 17.256 biên chế cấp tỉnh, 42.083 biên chế cấp xã*).

Hiện nay, tỉnh đang tiếp tục thực hiện rà soát và đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo thực trạng phân bổ và sử dụng biên chế tạm giao năm 2026 để xem xét quyết định sau khi có Quyết định phân bổ biên chế chính thức của Trung ương.

d) Thực hiện công tác phân cấp quản lý nhà nước

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và 28 Nghị định về phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền, tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã nghiên cứu, triển khai theo đúng quy định. Bước đầu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh cơ bản đảm bảo và đạt được một số kết quả nhất định khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, mở đường cho việc tinh gọn bộ máy, giảm tầng nấc trung gian, nâng cao năng lực quản lý tại gốc - nơi người dân trực tiếp tiếp cận chính quyền. Từ ngày 01/7/2025 đến nay, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 13⁹ Nghị quyết, Quyết định về phân cấp theo đúng quy định và chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ “điểm nghẽn” về thể chế, cụ thể: Tổng số nhiệm vụ phân cấp đã được hướng dẫn cụ thể về quy trình, thủ tục: 49 nhiệm vụ; có 0 nhiệm vụ phân cấp chưa được hướng dẫn cụ thể về quy trình; 0 nhiệm vụ phân cấp phải do phối hợp với nhiều cơ quan, đơn vị thực hiện. Nhìn chung, việc thực hiện các quy định về phân cấp do tỉnh ban hành đảm bảo tính khả thi, đáp ứng yêu cầu CCHC nâng cao hiệu lực hiệu quả trong quản lý nhà nước, phù hợp với năng lực, điều kiện thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân cấp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

Tỉnh đã thực hiện lồng ghép việc kiểm tra tình hình thực hiện phân cấp trong Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC trên địa bàn tỉnh năm 2026, theo đó

⁹ Trong đó: 01 Nghị quyết của HĐND tỉnh; 10 Quyết định của UBND tỉnh và 02 Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

tổ chức kiểm tra tại 06 Ủy ban nhân dân cấp xã: Sơn Mỹ, Tân Thành, Bảo Lâm 2, Quảng Phú, Quảng Hòa và phường 2 Bảo Lộc. Qua kiểm tra, việc thực hiện quy định về phân cấp tại các đơn vị cơ bản được triển khai nghiêm túc, đồng bộ, theo đúng quy định; các nguyên tắc, yêu cầu bảo đảm cho việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp tại tỉnh (về kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất, hạ tầng, công nghệ, TTHC...) được triển khai thực hiện cơ bản đảm bảo.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Xây dựng vị trí việc làm của công chức, viên chức

Thực hiện Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 627/UBND-NC ngày 14/01/2026 về triển khai, xây dựng vị trí việc làm công chức. Sở Nội vụ có Công văn số 498/SNV-TCBC ngày 23/01/2026 hướng dẫn một số nội dung xây dựng vị trí việc làm công chức, đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy; Công văn số 2071/SNV-TCBC ngày 22/4/2026 về hướng dẫn một số nội dung xây dựng, phê duyệt vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; Công văn số 2791/SNV-TCBC ngày 22/5/2026 về việc đơn đốc trình phê duyệt vị trí việc làm công chức. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt vị trí việc làm công chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

b) Tuyển dụng, bổ nhiệm, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo

Trong 06 tháng đầu năm, đã thực hiện quy trình tiếp nhận vào làm công chức cho 115 trường hợp, trong đó 63 trường hợp là người hoạt động không chuyên trách cấp xã và 52 trường hợp là viên chức; việc tiếp nhận vào làm công chức được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện công tác tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, ngành giáo dục tổ chức kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào viên chức là giáo viên các cấp học đối với 697 thí sinh trúng tuyển; ngành y tế đã tổ chức tuyển dụng và tiếp nhận vào viên chức các đơn vị sự nghiệp là 17 thí sinh trúng tuyển.

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được thực hiện theo đúng quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã bổ nhiệm 11 lãnh đạo cấp sở và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bổ nhiệm 50 lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ luôn được tỉnh quan tâm chỉ đạo, Tỉnh ủy Lâm Đồng ban hành Công văn số 1773-CV/TU ngày 03/6/2026 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương; đổi mới

phương thức lãnh đạo, điều hành và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản triển khai như: Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 01/01/2026 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh năm 2026; Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 10/3/2026 thành lập Tổ Kiểm tra công vụ; Sở Nội vụ ban hành Công văn số 3111/SNV-CCVC ngày 04/6/2026 về tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính. Theo đó, Tổ Kiểm tra công vụ của tỉnh đã thực hiện kiểm tra tại 12 đơn vị, địa phương¹⁰, nội dung kiểm tra tập trung vào công tác chỉ đạo và điều hành, kỷ luật kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ và văn hóa công sở, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (trong đó tập trung lĩnh vực thu ngân sách, giải phóng mặt bằng, giải ngân vốn đầu tư công), công tác quản lý và tổ chức cán bộ, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 43-KH/TU ngày 02/3/2026 về thực hiện Kết luận số 198-KL/TW ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đánh giá đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị; Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 06-HD/BTCTU ngày 05/3/2026 về một số nội dung đánh giá định kỳ hằng quý đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 2916/UBND-NC ngày 09/3/2026 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức định kỳ hằng tháng. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức đánh giá theo quy định, góp phần tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, nghiêm túc chấp hành kỷ luật, kỷ cương và thực hiện tốt văn hóa công sở; đạo đức công vụ từng bước được nâng cao; cán bộ, công chức, viên chức phát huy tốt vai trò nêu gương, có thái độ chuẩn mực trong giao tiếp, giao dịch hành chính với người dân và các tổ chức, doanh nghiệp.

d) Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 10088/KH-UBND ngày 31/12/2025 về đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh năm 2026, trong đó giao các sở, ngành tổ chức 38 lớp bồi dưỡng. Hiện nay các cơ quan, đơn vị đang rà soát, lấy nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức để triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra.

đ) Thực hiện quản lý dữ liệu cán bộ công chức

¹⁰ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh và chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các khu vực: Xuân Hương - Đà Lạt, Gia Nghĩa, Đắk R'Lấp, Đắk Glong, Bắc Bình, Phan Thiết, Hàm Thuận Nam và Ủy ban nhân dân các xã, phường: Phú Thủy, Tiến Thành, Mũi Nè, Hàm Thắng, Hàm Thuận.

Tỉnh đã duy trì việc cấu hình kết nối, đồng bộ thành công mô hình tổ chức với 4.349 cơ quan, đơn vị, địa phương lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức thông qua Phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh (<https://cbccvc.lamdong.gov.vn>). Tổng số hồ sơ đang quản lý là 70.035 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; trong đó đã thực hiện ký số và đồng bộ dữ liệu CBCCVC và NLĐ của tỉnh với CSDLQG về CBCCVC là 69.845 hồ sơ, hiện nay đang tiếp tục tiến hành kiểm tra đối soát dữ liệu với các cơ quan, đơn vị, địa phương với khoảng 190 hồ sơ trên Phần mềm của tỉnh nhằm bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung” trước khi thực hiện ký số và đồng bộ với CSDLQG về CBCCVC để phục vụ việc kết nối với CSDLQG về Dân cư theo quy định.

e) Thực hiện tinh giản biên chế

Triển khai thực hiện Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế, từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt đối tượng thực hiện tinh giản theo chính sách trên địa bàn tỉnh đối với công chức là 147 trường hợp và người hoạt động không chuyên trách tại cấp xã là 919 trường hợp.

5. Cải cách tài chính công

a) Thực hiện quản lý tài chính - ngân sách

Tổng thu ngân sách ước thực hiện đến ngày 31/5/2026 là 16.266,414 tỷ đồng; đạt 50,19% dự toán Trung ương và đạt 47,24% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Tổng thu ngân sách địa phương ước thực hiện là 19.898,409 tỷ đồng; đạt 44,14% dự toán Trung ương và đạt 40,90% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện là 12.655,688 tỷ đồng, đạt 28,08% so với dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 25,94% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao; trong đó, chi đầu tư phát triển ước thực hiện 1.359,356 tỷ đồng, đạt 10,29% dự toán địa phương; chi thường xuyên ước thực hiện 10.794,261 tỷ đồng, đạt 35,56% dự toán địa phương.

b) Tình hình giải ngân vốn đầu tư công

Kết quả giải ngân vốn năm 2026, tính đến ngày 10/6/2026 đạt 10,58% (1.398.061/13.213.000 triệu đồng).

c) Thực hiện kiến nghị sau kiểm tra, kiểm toán về tài chính, ngân sách

Tổng số kiến nghị xử lý về tài chính là 8.332.978 triệu đồng. Đến nay, số kiến nghị đã thực hiện là 7.106.146 triệu đồng (đạt 85,28%); số kiến nghị chưa thực hiện: 499.749 triệu đồng. Hiện nay, các cơ quan, đơn vị đang tiếp tục thực hiện giải quyết các kiến nghị về tài chính sau kiểm tra của Kiểm toán nhà nước theo quy định.

d) Xử lý tài sản công đôi dư

Cơ sở nhà, đất đôi dư sau sắp xếp: Tổng số cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh là 4.642 cơ sở. Qua rà soát, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt phương án xử lý tài sản công đôi dư khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 14/01/2026. Chỉ đạo các Sở, ban, ngành và địa phương thực hiện phương án xử lý tài sản công đôi dư và tiếp tục rà soát các cơ sở nhà, đất đôi dư không còn nhu cầu sử dụng; đồng thời thực hiện điều chỉnh các loại quy hoạch, kế hoạch (*quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng...*) bảo đảm cho việc sắp xếp, bố trí, xử lý trụ sở, cơ sở nhà, đất theo quy định. Theo đó, tổng số cơ sở nhà, đất thực tế đôi dư cần phải xử lý là 510 cơ sở (*Trong đó: đã có quyết định xử lý theo phương án được duyệt là 16 cơ sở; đang triển khai xử lý là 74 cơ sở*)¹¹.

Đối với xe ô tô: đã điều chuyển 28 xe ô tô từ các Sở, ban, ngành về 28 Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý, sử dụng. Đến nay, có 103 xã, phường mới bố trí được 01 xe/xã; hiện đang triển khai việc mua sắm xe ô tô phục vụ công tác cho cấp xã trong năm 2026 (*đảm bảo định mức tối đa 02 xe/xã*); còn lại 21 xã, phường đang quản lý, sử dụng từ 02 xe ô tô trở lên, đảm bảo định mức sử dụng tối đa. Thực hiện thanh lý đối với 23 xe ô tô của các cơ quan, đơn vị đã hết hạn sử dụng, hư hỏng, không sử dụng được; thanh lý 41 xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, đơn vị.

Đối với máy móc, thiết bị và tài sản công khác: đã điều chuyển 1.830 tài sản là trang thiết bị, máy móc cho các xã, phường; triển khai đến các Sở, ngành và các địa phương tiếp tục rà soát, kiểm đếm, thống kê tài sản công thực tế đang quản lý để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định.

đ) Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Cấp tỉnh có 255 đơn vị sự nghiệp công lập gồm: 07 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, 22 đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên, 68 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, 158 đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

Cấp xã có tổng số 1.350 đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể: có 02 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và đầu tư, 09 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, 62 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và 1.277 đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

¹¹ Cụ thể: Giữ lại tiếp tục sử dụng (*bố trí làm trụ sở làm việc cho cơ quan, đơn vị; Y tế; Giáo dục*) là 102 cơ sở; bố trí cho Công an là 13 cơ sở; bố trí cho Ban Chỉ huy quân sự xã là 18 cơ sở; chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý là 146 cơ sở; điều chuyển là 19 cơ sở; thu hồi giao Trung tâm Phát triển quỹ đất là 147 cơ sở; thu hồi giao Trung tâm Quản lý nhà quản lý, khai thác là 64 cơ sở; giữ lại tiếp tục sử dụng là 01 cơ sở.

6. Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh

a) Hoàn thiện thể chế phục vụ chuyển đổi số

Triển khai nhiệm vụ xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 28-KH/TU ngày 16/01/2026 của triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số¹². Việc ban hành đồng bộ các chiến lược, đề án, kế hoạch và khung kiến trúc đã từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo cơ sở quan trọng để triển khai các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền số, phát triển dữ liệu số, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp trên môi trường số.

b) Xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng số của tỉnh được đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện theo hướng tập trung, đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin và đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. 100% cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đã kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, bảo đảm hạ tầng truyền dẫn phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, trao đổi dữ liệu và vận hành các hệ thống thông tin trên môi trường mạng. 100% cán bộ công chức, viên chức có máy tính làm việc; 100% cơ quan đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có mạng LAN, Trang thông tin điện tử. Hệ thống mạng CAMPUS Trung tâm hành chính tỉnh đang phục vụ khoảng 2.000 người dùng thường xuyên và khoảng 200 người dùng vắng lai mỗi ngày. Tổng số node mạng (cổng kết nối vật lý) đang được khai thác trên toàn hệ thống là 2.217. Cổng thông tin điện tử và Thư điện tử công vụ hoạt động ổn định, không bị mất kết nối, đảm bảo hoạt động xuyên suốt, an toàn phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của tất cả các cơ quan, đơn vị trong tỉnh. Hạ tầng phục vụ hội nghị trực tuyến được đầu tư, mở rộng khai thác. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh được kết nối đến 248 điểm cầu cấp xã gồm của khối Đảng và khối chính quyền,

¹² Cụ thể: Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 ban hành Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh, phiên bản 4.0; Quyết định số 2943/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 10084/KH-UBND ngày 31/12/2025 về chuyển đổi số tỉnh năm 2026; Kế hoạch số 10086/KH-UBND ngày 31/12/2025 kế hoạch hành động triển khai Chương trình phát triển Chính quyền số; Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 07/01/2026 triển khai xây dựng các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng dùng chung (Nền tảng số dùng chung); Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 ban hành Quy chế quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn dữ liệu Hệ thống quản lý văn bản và điều hành dùng chung trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 2245/KH-UBND ngày 13/02/2026 về cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) tỉnh năm 2026; Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 30/4/2026 ban hành Khung kiến trúc dữ liệu tỉnh và Khung quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh; Kế hoạch số 6338/KH-UBND ngày 08/5/2026 về chuyển đổi số tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 6807/KH-UBND ngày 13/5/2026 về triển khai thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo.

bảo đảm mỗi địa phương có tối thiểu 02 điểm cầu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, giao ban, tập huấn và đào tạo từ xa; hệ thống hoạt động ổn định, góp phần tăng cường kết nối giữa các cấp chính quyền, giảm thời gian, chi phí tổ chức hội họp và nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành trên môi trường số.

Tỉnh đã tổ chức lại Trung tâm tích hợp dữ liệu theo mô hình tập trung - dự phòng theo hướng tập trung, hiện đại và tối ưu nguồn lực sau sắp xếp đơn vị hành chính. Theo đó, hạ tầng của Lâm Đồng (cũ) và Đắk Nông (cũ) được hợp nhất thành Trung tâm dữ liệu chính của tỉnh; đồng thời sử dụng Trung tâm tích hợp dữ liệu Bình Thuận (cũ) làm Trung tâm dữ liệu dự phòng, bảo đảm khả năng sao lưu, phục hồi dữ liệu và duy trì hoạt động liên tục của các hệ thống thông tin trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc thảm họa. Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đang vận hành 98 máy chủ vật lý, 227 máy chủ ảo trên nền tảng điện toán đám mây với tổng dung lượng lưu trữ đạt 465 TB, đáp ứng yêu cầu triển khai, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nền tảng số phục vụ chuyển đổi số của tỉnh. Hạ tầng kỹ thuật được duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm hiệu năng, tính sẵn sàng và an toàn thông tin.

c) Xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng, dữ liệu

Hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung và chuyên ngành được vận hành thông suốt, sử dụng hiệu quả và đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường số. Hệ thống đã kết nối và khai thác thành công 22 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, Trung ương thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) với hơn 400.000 lượt giao dịch dữ liệu được thực hiện.

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành được triển khai tại 169 cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã với trên 30.000 tài khoản người dùng thường xuyên, bảo đảm phục vụ thống nhất công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử. Hệ thống thư điện tử công vụ duy trì vận hành ổn định, phục vụ trao đổi thông tin trong hoạt động công vụ giữa các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức; đã cấp 20.982 tài khoản thư điện tử công vụ bảo đảm an toàn trong trao đổi thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước. Hệ thống hợp không giấy (eCabinet) được triển khai thống nhất trong hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, hỗ trợ số hóa toàn bộ quy trình chuẩn bị, tổ chức và quản lý tài liệu phục vụ các cuộc họp; cấp 2.100 tài khoản cho lãnh đạo và chuyên viên các cơ quan, đơn vị, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành, giảm chi phí in ấn tài liệu và thúc đẩy xây dựng môi trường làm việc số. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) giữ vai trò hạ tầng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung, bảo đảm kết nối, liên thông giữa các hệ thống thông tin trong tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành Trung ương; đầu năm đến nay, hệ thống đã thực hiện 1.383.483 lượt giao dịch dữ liệu, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu trong hoạt động quản lý nhà nước.

Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) vận hành ổn định, phục vụ công tác giám sát, tổng hợp và phân tích dữ liệu hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành. Hệ thống thông tin báo cáo (LRIS) được khai thác hiệu quả, đã xây dựng 141 biểu mẫu báo cáo định kỳ và chuyên đề theo yêu cầu quản lý nhà nước; đồng thời cấp 3.238 tài khoản cho cán bộ nhập liệu và lãnh đạo các cấp thực hiện cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin báo cáo phục vụ quản lý, điều hành.

d) Xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động nội bộ của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, tăng cường xử lý công việc trên môi trường điện tử và từng bước hình thành phương thức làm việc số trong các cơ quan hành chính nhà nước. Công tác triển khai chữ ký số chuyên dùng công vụ được thực hiện đồng bộ, toàn tỉnh đã cấp 16.360 chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ (bao gồm chứng thư số tổ chức, cá nhân và dịch vụ phần mềm), bảo đảm 100% lãnh đạo các cấp và công chức trực tiếp xử lý công việc được trang bị chữ ký số phục vụ giải quyết công việc trên môi trường điện tử. Đầu năm đến nay, toàn tỉnh có 813.858/861.675 văn bản đi được ký số, đạt tỷ lệ 94,45%, góp phần nâng cao tính pháp lý, bảo mật và hiệu quả trong xử lý văn bản điện tử.

Triển khai thí điểm mô hình 'Phòng họp không giấy' trên cả giao diện web và thiết bị di động. Đến nay, việc ứng dụng nền tảng số này đã được thực hiện hiệu quả qua 181 cuộc họp, góp phần quan trọng vào việc tinh gọn quy trình tổ chức cuộc họp, tiết giảm tối đa chi phí in ấn tài liệu và tối ưu hóa công tác điểm danh, quản lý thành viên tham dự.

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ, tỉnh đã triển khai Hệ thống quản lý nhiệm vụ và Hệ thống đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng số hóa, công khai, minh bạch; các hệ thống cho phép theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ, đánh giá kết quả công tác theo thời gian thực, góp phần nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và hỗ trợ công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước. Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn về AI cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng khai thác và ứng dụng các công cụ AI trong xử lý văn bản, tổng hợp thông tin, phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định và nâng cao năng suất lao động. Việc thúc đẩy ứng dụng AI bước đầu đã góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao chất lượng tham mưu và hiệu quả thực thi công vụ trong các cơ quan nhà nước.

d) Xây dựng, phát triển ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp

Các ứng dụng, nền tảng số phục vụ người dân, doanh nghiệp được duy trì vận hành ổn định, từng bước nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tăng cường công khai, minh bạch thông tin và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ của cơ quan nhà nước trên môi trường số. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC được triển khai thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã, bảo đảm vận hành liên tục, ổn định phục vụ tiếp nhận, xử lý, theo dõi và trả kết quả hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử; đồng thời nâng cao khả năng giám sát, theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ của cơ quan nhà nước. Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương được duy trì, nâng cấp và khai thác hiệu quả, bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin chỉ đạo, điều hành, văn bản QPPL, TTHC, thông tin kinh tế - xã hội và các nội dung phục vụ người dân, doanh nghiệp. Bên cạnh việc phát triển các nền tảng số, tỉnh đặc biệt quan tâm nâng cao kỹ năng số cho người dân nhằm thúc đẩy khai thác hiệu quả các dịch vụ số và dịch vụ công trực tuyến. Chương trình Bình dân học vụ số được triển khai sâu rộng trên phạm vi toàn tỉnh thông qua nền tảng “Bình dân học vụ số” và Sổ tay “Bình dân học vụ số tỉnh Lâm Đồng” đã thu hút 119.077 lượt người tham gia gồm cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và người dân. Thông qua việc duy trì, nâng cấp các nền tảng số phục vụ người dân và doanh nghiệp, kết hợp với đẩy mạnh công tác phổ cập kỹ năng số trong cộng đồng, tỉnh đã từng bước nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ số của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện chất lượng phục vụ của cơ quan nhà nước, giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh.

(Số liệu cụ thể ở các nội dung tại phụ lục kèm theo báo cáo).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, tỉnh Lâm Đồng luôn xác định CCHC là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, do đó thường xuyên bám sát các chương trình, kế hoạch và văn bản chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn về công tác CCHC của Chính phủ, Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan để kịp thời triển khai thực hiện tại địa phương đảm bảo toàn diện, đồng bộ và hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã bám sát các kế hoạch CCHC của tỉnh, của đơn vị để tập trung chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ CCHC đảm bảo kịp thời, hiệu quả. Kết quả công bố của Bộ Nội vụ, Chỉ số PAR Index năm 2025 của tỉnh đạt 92,22%, xếp thứ 07/34 tỉnh, thành phố; Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt 84,31%, xếp thứ 12/34 tỉnh, thành phố

trong cả nước; cho thấy sự nỗ lực của tỉnh trong việc tổ chức thực hiện công tác CCHC thời gian qua.

Việc tổ chức đánh giá công tác CCHC, SIPAS định kỳ hằng tháng đối với các sở, ngành, địa phương đã kịp thời phản ánh khách quan, thực chất kết quả thực hiện công tác CCHC của các đơn vị, địa phương. Trên cơ sở đó, các đơn vị, địa phương đã tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế qua kết quả đánh giá Chỉ số CCHC, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác CCHC và trách nhiệm phục vụ người dân của các đơn vị, địa phương.

Công tác cải cách TTHC được tập trung chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ hành chính cho tổ chức, cá nhân được duy trì nề nếp. Các TTHC thường xuyên kiểm tra, rà soát, sửa đổi, bổ sung, công bố chuẩn hóa và niêm yết công khai kịp thời theo quy định. Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được triển khai thực hiện có hiệu quả.

Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy được thực hiện quyết liệt đảm bảo tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Việc thẩm định, hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập được triển khai thường xuyên, kịp thời; đồng thời tích cực thực hiện sắp xếp, sáp nhập một số đơn vị theo định hướng của Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh.

Công tác quản lý biên chế được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; việc giao, điều chỉnh biên chế, số lượng người làm việc và hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ được thực hiện kịp thời, phù hợp với yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy và nhu cầu thực tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc xây dựng và hướng dẫn vị trí việc làm công chức được triển khai kịp thời ngay sau khi Chính phủ ban hành quy định mới, tạo cơ sở cho việc quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiệu quả hơn.

Việc thực hiện quản lý tài chính, ngân sách; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh được tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định.

Công tác xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số được quan tâm đầu tư nâng cấp và ngày càng hoàn thiện; việc ứng dụng dữ liệu số, ứng dụng dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ nội bộ, được xây dựng, phát triển và kết nối đồng bộ; dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến ngày càng được mở rộng.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Năng lực của một bộ phận công chức thực hiện công tác CCHC tại một số đơn vị, địa phương vẫn còn hạn chế. Một số công chức ở cấp xã còn hạn chế về kỹ năng sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; việc phối hợp giữa một số sở, ban, ngành trong xử lý hồ sơ liên thông chưa thật sự nhịp nhàng, dẫn đến một số trường hợp kéo dài thời gian giải quyết.

Hồ sơ TTHC giải quyết trễ hạn của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh vẫn còn phát sinh, tập trung chủ yếu tại một số ngành, lĩnh vực có khối lượng công việc thường xuyên phát sinh nhiều hồ sơ và có tính phức tạp như ở lĩnh vực đất đai.

Công tác số hóa hồ sơ TTHC tại một số đơn vị chưa được triển khai đồng bộ. Hạ tầng kỹ thuật, đường truyền và thiết bị đầu cuối của một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu trong tiếp nhận, số hóa và trả kết quả; việc theo dõi, cảnh báo hồ sơ trễ hạn và đơn đốc xử lý đôi lúc chưa kịp thời, do khối lượng hồ sơ phát sinh trên toàn tỉnh lớn và biến động nhiều do Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và quy trình điện tử đang trong giai đoạn hoàn thiện.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch CCHC nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 3664/KH-UBND ngày 20/3/2026 về việc CCHC nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh; Kế hoạch số 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 về CCHC nhà nước năm 2026 của tỉnh và các văn bản triển khai trong công tác CCHC của tỉnh. Tổ chức hội nghị sơ kết công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2026, đánh giá Chỉ số PAR Index, SIPAS năm 2025 của tỉnh và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026.

2. Tập trung triển khai các nhiệm vụ và giải pháp nâng cao các chỉ số PAR Index, SIPAS của tỉnh năm 2026. Thực hiện cụ thể hóa, triển khai thực hiện có kịp thời, hiệu quả và đúng thời hạn các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền CCHC với nhiều hình thức đa dạng, hiệu quả, dễ tiếp cận; tổ chức cuộc thi CCHC năm 2026. Thực hiện kiểm tra công tác CCHC, kiểm tra công vụ, kịp thời chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế sau kiểm tra. Tổ chức đánh giá Chỉ số CCHC, SIPAS định kỳ hằng tháng đối với các sở, ngành, địa phương.

3. Ban hành văn bản QPPL đúng tiến độ, quy trình, đảm bảo chất lượng, phù hợp thực tiễn theo quy định. Chú trọng rà soát các văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thực hiện kiểm tra, tự kiểm tra văn bản QPPL, kịp thời xử lý các văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật; kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác theo dõi thi hành pháp luật. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật; tổ chức khảo sát tình hình thi hành văn bản QPPL trong các lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2026 theo kế hoạch.

4. Thực hiện công bố, công khai danh mục TTHC khi có Quyết định công bố của các bộ, ngành Trung ương và cập nhật kịp thời, đầy đủ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Triển khai thực hiện tốt việc tiếp nhận, theo dõi, giám sát chặt chẽ quá trình giải quyết hồ sơ TTHC; việc chấp hành xin lỗi trong trường hợp giải quyết quá hạn theo quy định; xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính. Hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tuyên truyền nhằm nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ Bru chính công ích trong việc nộp hồ sơ, nhận kết quả TTHC. Tiếp tục triển khai số hóa hồ sơ TTHC, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu dùng chung.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, không phụ thuộc địa giới hành chính, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Duy trì kết nối và thường xuyên rà soát hiện trạng việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các Hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để nâng cấp hệ thống đáp ứng yêu cầu phục vụ giải quyết TTHC cũng như kiến nghị các bộ, ngành có liên quan điều chỉnh phù hợp.

6. Tiếp tục sắp xếp các tổ chức bên trong theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; sắp xếp các Hội theo quy định; sắp xếp các đơn vị sự nghiệp theo định hướng tại Nghị quyết số 105/2026/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ. Thẩm định, phê duyệt Đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Trung ương; thẩm định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị sự nghiệp.

7. Xây dựng các Nghị quyết về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh và Nghị quyết về Chính sách trọng dụng nhân tài, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trên địa bàn tỉnh. Ban hành các Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc Ủy ban

nhân dân tỉnh; Quy định đánh giá, xếp loại các cơ quan đơn vị và cán bộ, công chức thuộc tỉnh; phê duyệt quy hoạch lãnh đạo đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện rà soát, bố trí đảm bảo số lượng lãnh đạo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; rà soát, bố trí lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hợp lý, đảm bảo vị trí việc làm, đáp ứng công việc chuyên môn. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; triển khai công tác tuyển dụng công chức, viên chức năm 2026 theo quy định.

8. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án trọng điểm, đảm bảo giải ngân đạt kế hoạch giao; thực hiện đúng quy định sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công. Hoàn thành việc giải quyết các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra của Kiểm toán nhà nước theo quy định.

9. Tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ theo Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của tỉnh. Nghiên cứu, xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng; xây dựng chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã và triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh”. Thực hiện dịch chuyển, tích hợp hệ thống công nghệ thông tin lên Trung tâm Dữ liệu quốc gia; xây dựng phần mềm theo dõi, đánh giá xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ công chức trên địa bàn tỉnh; nâng cấp Cổng thông tin điện tử của tỉnh đảm bảo đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng theo quy định.

Trên đây là báo cáo công tác CCHC 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (Đ/c Phúc);
- BCĐ Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, NC.Châu

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Phúc

PHỤ LỤC
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	57	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	51,02	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	25	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	49	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	1	
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra		4	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	18	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	18	
4.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	110	Có 46/110 nhiệm vụ đang thực hiện còn trong hạn
4.1.1.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	61	
4.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	03	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.3.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	183.693	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

3
Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	71	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	67	
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	4	
2.	Tỷ lệ VBQPPL đã cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	%	100	
2.1	Số VBQPPL phải cập nhật theo quy định	Văn bản	67	
2.2	Số VBQPPL đã cập nhật	Văn bản	67	
3	Theo dõi thi hành pháp luật			
3.1	Kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành	Không = 0 Có = 1	1	Đã và đang kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Thông báo số 88/TB-ĐKT ngày 12/5/2026 của Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 99 về việc kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành văn bản QPPL trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2026
3.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật			Chưa ban hành Kết luận
3.2.1	Kết quả theo dõi thi hành pháp luật phải xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền	Vấn đề	0	
3.2.2	Kết quả theo dõi thi hành pháp luật đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền	Vấn đề	0	
4	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
4.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	4	
4.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	

4.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
4.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
5	Rà soát VBQPPL			
5.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	288	
5.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
5.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	288	
5.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	288	

5
Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	149	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	168	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.977	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>1.600</i>	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp xã</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>377</i>	
1.4.3.	<i>Số TTHC ngành dọc</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>420</i>	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100	
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	1.977	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,19	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>445.652</i>	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>437.610</i>	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,11	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>930.228</i>	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	912.696	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	451	
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	451	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	03	Các ban quản lý dự án, đầu tư xây dựng
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	44	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	1.855	
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>12</i>	
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>248</i>	Bao gồm ĐVSN thuộc Chi cục thuộc Sở và ĐVSN công lập thuộc ĐVSN thuộc UBND tỉnh
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>1.595</i>	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	9.818	Tổng số biên chế được giao (tại Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 22/12/2025): 9.818 (cấp tỉnh: 3.585; cấp xã: 6.233)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	8.334	Số người có mặt: 8.334 (cấp tỉnh: 2.744, cấp xã: 5.590).
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	652	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	147	Theo Nghị định số 154/NĐ-CP
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	59.339	Tổng số người làm việc được giao (tại Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 22/12/2025): 59.339
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	57.024	Số người có mặt: 57.024 (cấp tỉnh: 15.971, cấp xã: 41.053)
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	128	Gồm 04 Sở và 124 xã, phường, đặc khu
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	714	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	10,58	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	13.213.000	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	1.398.061	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	1.605	- Cấp tỉnh: 255 đơn vị - Cấp xã: 1.350 đơn vị
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	9	- Cấp tỉnh: 07 đơn vị; - Cấp xã: 02 đơn vị
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	31	- Cấp tỉnh: 22 đơn vị - Cấp xã: 09 đơn vị
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	130	- Cấp tỉnh: 68 đơn vị; - Cấp xã: 62 đơn vị.
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	-	
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	-	
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	-	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1.435	- Cấp tỉnh: 158 đơn vị; - Cấp xã: 1.277 đơn vị.
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
3.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh.</i>	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100	
3.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
3.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
4.1.1.	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	1.977	
4.1.2.	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	1.977	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	96	
4.2.1.	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>	<i>Thủ tục</i>	1.850	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.2.	<i>Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	1.769	
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	86	
4.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Thủ tục</i>	1.409.338	
4.3.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	1.207.038	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	0	
4.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Hồ sơ</i>	0	
4.4.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần</i>	<i>Hồ sơ</i>	0	
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
4.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	651	
4.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	651	